

Số: 14 / BC-QLCL

Đắk Lắk, ngày 22 tháng 10 năm 2021

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT**

Lấy ý kiến của sinh viên, giảng viên về chất lượng và sự phù hợp của các hình thức kiểm tra, đánh giá trong hoạt động đào tạo của Trường, năm 2021

**Kính gửi: Hiệu trưởng**

Căn cứ Kế hoạch số 3/KH-QLCL ngày 18/8/2021 của Phòng Quản lý chất lượng về việc khảo sát lấy ý kiến của sinh viên, giảng viên về chất lượng và sự phù hợp của các hình thức kiểm tra, đánh giá trong hoạt động đào tạo của Trường, năm 2021, đã được Hiệu trưởng phê duyệt; Phòng báo cáo kết quả như sau:

### **1. Mục đích**

- Tiếp thu ý kiến đóng góp của sinh viên (SV), và giảng viên (GV) về chất lượng và sự phù hợp của các hình thức kiểm tra, đánh giá trong hoạt động đào tạo của Trường;
- Là một trong những hoạt động cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài CSGD;
- Có số liệu, minh chứng phục vụ công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài;
- Góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

### **2. Yêu cầu**

- SV, GV hiểu rõ mục đích, ý nghĩa, tự nguyện và trung thực trong việc cung cấp thông tin theo mẫu phiếu do CSGD cung cấp.
- Thông tin phản hồi từ SV, GV được xử lý khách quan, trung thực và được sử dụng đúng mục đích.

### **3. Thời gian thực hiện**

Từ tháng 8 đến tháng 10 năm 2021.

### **4. Đối tượng, phạm vi thực hiện**

- 75% số GV giảng dạy các ngành của các Khoa trong Trường.
- SV các lớp đại học hệ chính quy của các Khoa. Mỗi ngành chọn đại diện các lớp khóa 2017, 2018, 2019, 2020; mỗi khóa chọn 1 lớp.
- 75% những ngành có số lượng lớn hơn 30 SV/lớp. Những ngành có số lượng từ 30 SV/lớp trở xuống chọn 100%.

### **5. Nội dung:**

- Gồm các câu hỏi được sử dụng lấy ý kiến SV, GV về kiểm tra đánh giá trong các hoạt động đào tạo của Trường;
- Sự hài lòng của SV và GV thể hiện ở 5 mức độ: **1-Rất không hài lòng; 2-Không hài lòng; 3-Bình thường; 4-Hài lòng; 5-Rất hài lòng.**

### **6. Phương pháp thực hiện**

- Phát phiếu tới SV, GV, hướng dẫn làm và thu lại.
- Nhập, lưu trữ và xử lý kết quả bằng phần mềm Microsoft Excel 2010.
- **Tỷ lệ hài lòng** là tổng số ý kiến “Rất hài lòng” và “Hài lòng” / Tổng số ý kiến.

- **Điểm số mức độ hài lòng** là số điểm trung bình (TB) của từng câu hỏi (cách tính điểm số hài lòng theo thang Likert).

## 7. Kết quả khảo sát

### 7.1. Giảng viên các Khoa

Đã khảo sát lấy ý kiến được 295 giảng viên của các Khoa. Giảng viên đánh giá và hài lòng về chất lượng và sự phù hợp của các hình thức kiểm tra, đánh giá trong hoạt động đào tạo của Trường như sau:

STT	NỘI DUNG	Không hài lòng (%)	Bình thường (%)	Hài lòng (%)	Điểm số HL TB
1.	Kết quả chấm điểm đi thực tế / thực tập / chuyên đề / khóa luận của sinh viên công bằng, khách quan, chính xác	0.7	25.8	73.5	3.9
2.	Thời gian Nhà trường sắp xếp lịch thi học kỳ các học phần	1.4	29.2	69.4	3.8
3.	Kết quả điểm kiểm tra các học phần được giảng viên công khai đúng theo quy định của Trường	1.4	24.1	74.5	4.0
4.	Kết quả điểm thi học kỳ các học phần được công khai đúng theo quy định của Trường	0.7	22.0	77.3	4.0
5.	Các bài tập / bài kiểm tra / tiểu luận của SV được giảng viên nhận xét, chấm điểm rõ ràng nên rất có ích cho SV	1.0	24.1	74.9	3.9
6.	Trường có sử dụng nhiều hình thức kiểm tra, đánh giá để tăng độ chính xác trong đánh giá kết quả học tập của SV	1.4	19.3	79.3	4.0
7.	Giảng viên chấm điểm, đánh giá công bằng, khách quan và phản ánh đúng năng lực của SV	0.3	20.7	79.0	4.0
8.	Đề kiểm tra, đề thi phù hợp với nội dung giảng dạy, tổng hợp các phần khác nhau trong học phần và khuyến khích tính sáng tạo của SV	1.4	14.9	83.7	4.0
<b>TRUNG BÌNH</b>		<b>1.0</b>	<b>22.5</b>	<b>76.5</b>	<b>3.9</b>

Kết quả Bảng trên cho thấy: Mức độ không hài lòng trung bình của GV là 1.0%; số GV đánh giá bình thường là 22.5%; số GV hài lòng đạt 76.5%.

Điểm số mức độ hài lòng trung bình là 3.9.

\* **Ý kiến khác:** Có 4,7% số giảng viên góp ý như sau:

- Việc công khai điểm bộ phận cho sinh viên còn hạn chế;
- Phiếu chấm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp cho SV chưa đầy đủ các nội dung cần đánh giá. Cần điều chỉnh cho phù hợp với rubrics của các học phần.

- Chuyên ngành sư phạm nên có 2 giảng viên tham gia đánh giá tiết thi thực hành của sinh viên và được chấm công 1 tiết/2 SV.

## 7.2. Sinh viên các Khoa

Đã khảo sát lấy ý kiến được 3.332 sinh viên của các lớp, các ngành, các Khoa. Sinh viên đánh giá và hài lòng về chất lượng và sự phù hợp của các hình thức kiểm tra, đánh giá trong hoạt động đào tạo của Trường như sau:

### + Sinh viên Khoa Y Dược

STT	NỘI DUNG	Không hài lòng (%)	Bình thường (%)	Hài lòng (%)	Điểm số HL TB
1.	Kết quả chấm điểm đi thực tế / thực tập / chuyên đề / khóa luận của sinh viên công bằng, khách quan, chính xác	5.4	40.2	54.4	3.6
2.	Thời gian Nhà trường sắp xếp lịch thi học kỳ các học phần	15.8	38.6	45.6	3.4
3.	Kết quả điểm kiểm tra các học phần được giảng viên công khai đúng theo quy định của Trường	6.6	34.9	58.5	3.6
4.	Kết quả điểm thi học kỳ các học phần được công khai đúng theo quy định của Trường	7.3	40.2	52.5	3.5
5.	Các bài tập / bài kiểm tra / tiểu luận của SV được giảng viên nhận xét, chấm điểm rõ ràng nên rất có ích cho SV	7.0	40.7	52.3	3.5
6.	Trường có sử dụng nhiều hình thức kiểm tra, đánh giá để tăng độ chính xác trong đánh giá kết quả học tập của SV	8.7	41.6	49.7	3.5
7.	Giảng viên chấm điểm, đánh giá công bằng, khách quan và phản ánh đúng năng lực của SV	8.2	38.3	53.5	3.5
8.	Đề kiểm tra, đề thi phù hợp với nội dung giảng dạy, tổng hợp các phần khác nhau trong học phần và khuyến khích tính sáng tạo của SV	8.9	40.5	50.6	3.5
<b>TRUNG BÌNH</b>		<b>8.5</b>	<b>39.4</b>	<b>52.1</b>	<b>3.5</b>

### + Sinh viên Khoa Nông Lâm nghiệp

STT	NỘI DUNG	Không hài lòng (%)	Bình thường (%)	Hài lòng (%)	Điểm số HL TB
1.	Kết quả chấm điểm đi thực tế / thực tập / chuyên đề / khóa luận của sinh viên công bằng, khách quan, chính xác	1.6	33.9	64.5	3.8
2.	Thời gian Nhà trường sắp xếp lịch thi học kỳ các học phần	10.5	41.9	47.6	3.5
3.	Kết quả điểm kiểm tra các học phần được giảng viên công khai đúng theo quy định của Trường	3.2	31.5	65.3	3.9
4.	Kết quả điểm thi học kỳ các học phần được công khai đúng theo quy định của Trường	3.2	28.2	68.6	3.8
5.	Các bài tập / bài kiểm tra / tiểu luận của SV được giảng viên nhận xét, chấm điểm rõ ràng nên rất có ích cho SV	2.4	29.8	67.8	3.9
6.	Trường có sử dụng nhiều hình thức kiểm tra, đánh giá để tăng độ chính xác trong đánh giá kết quả học tập của SV	0.8	33.9	65.3	3.9
7.	Giảng viên chấm điểm, đánh giá công bằng, khách quan và phản ánh đúng năng lực của SV	1.6	33.9	64.5	3.8
8.	Đề kiểm tra, đề thi phù hợp với nội dung giảng dạy, tổng hợp các phần khác nhau trong học phần và khuyến khích tính sáng tạo của SV	2.4	33.1	64.5	3.8
<b>TRUNG BÌNH</b>		<b>3.2</b>	<b>33.3</b>	<b>63.5</b>	<b>3.8</b>

**+ Sinh viên Khoa Kinh tế**

STT	NỘI DUNG	Không hài lòng (%)	Bình thường (%)	Hài lòng (%)	Điểm số HL TB
1.	Kết quả chấm điểm đi thực tế / thực tập / chuyên đề / khóa luận của sinh viên công bằng, khách quan, chính xác	5.0	34.1	60.9	3.6
2.	Thời gian Nhà trường sắp xếp lịch thi học kỳ các học phần	11.4	36.6	52.0	3.5
3.	Kết quả điểm kiểm tra các học phần được giảng viên công khai đúng theo quy định của Trường	6.1	32.3	61.6	3.7
4.	Kết quả điểm thi học kỳ các học phần được công khai đúng theo quy định của Trường	8.2	30.2	61.6	3.7
5.	Các bài tập / bài kiểm tra / tiểu luận của SV được giảng viên nhận xét, chấm điểm rõ ràng nên rất có ích cho SV	8.0	30.5	61.5	3.6
6.	Trường có sử dụng nhiều hình thức kiểm tra, đánh giá để tăng độ chính xác trong đánh giá kết quả học tập của SV	6.1	32.3	61.6	3.7
7.	Giảng viên chấm điểm, đánh giá công bằng, khách quan và phản ánh đúng năng lực của SV	6.8	32.3	60.9	3.7
8.	Đề kiểm tra, đề thi phù hợp với nội dung giảng dạy, tổng hợp các phần khác nhau trong học phần và khuyến khích tính sáng tạo của SV	8.0	32.3	59.7	3.6
<b>TRUNG BÌNH</b>		<b>7.4</b>	<b>32.6</b>	<b>60.0</b>	<b>3.6</b>

**+ Sinh viên Khoa Sư phạm**

STT	NỘI DUNG	Không hài lòng (%)	Bình thường (%)	Hài lòng (%)	Điểm số HL TB
1.	Kết quả chấm điểm đi thực tế / thực tập / chuyên đề / khóa luận của sinh viên công bằng, khách quan, chính xác	3.4	21.2	75.4	4.0
2.	Thời gian Nhà trường sắp xếp lịch thi học kỳ các học phần	6.4	27.9	65.7	3.7
3.	Kết quả điểm kiểm tra các học phần được giảng viên công khai đúng theo quy định của Trường	4.9	21.5	73.6	3.8
4.	Kết quả điểm thi học kỳ các học phần được công khai đúng theo quy định của Trường	4.9	23.0	72.1	3.8
5.	Các bài tập / bài kiểm tra / tiểu luận của SV được giảng viên nhận xét, chấm điểm rõ ràng nên rất có ích cho SV	4.9	23.0	72.1	3.8
6.	Trường có sử dụng nhiều hình thức kiểm tra, đánh giá để tăng độ chính xác trong đánh giá kết quả học tập của SV	5.2	25.5	69.3	3.8
7.	Giảng viên chấm điểm, đánh giá công bằng, khách quan và phản ánh đúng năng lực của SV	5.5	22.4	72.1	3.8
8.	Đề kiểm tra, đề thi phù hợp với nội dung giảng dạy, tổng hợp các phần khác nhau trong học phần và khuyến khích tính sáng tạo của SV	5.2	24.2	70.6	3.8
<b>TRUNG BÌNH</b>		<b>5.1</b>	<b>23.6</b>	<b>71.4</b>	<b>3.8</b>

**+ Sinh viên Khoa Lý luận Chính trị**

STT	NỘI DUNG	Không hài lòng (%)	Bình thường (%)	Hài lòng (%)	Điểm số HL TB
1.	Kết quả chấm điểm đi thực tế / thực tập / chuyên đề / khóa luận của sinh viên công bằng, khách quan, chính xác	2.9	38.2	58.9	3.7
2.	Thời gian Nhà trường sắp xếp lịch thi học kỳ các học phần	17.6	41.2	41.2	3.2
3.	Kết quả điểm kiểm tra các học phần được giảng viên công khai đúng theo quy định của Trường	14.7	29.4	55.9	3.5
4.	Kết quả điểm thi học kỳ các học phần được công khai đúng theo quy định của Trường	8.8	38.3	52.9	3.5
5.	Các bài tập / bài kiểm tra / tiểu luận của SV được giảng viên nhận xét, chấm điểm rõ ràng nên rất có ích cho SV	2.9	44.2	52.9	3.5
6.	Trường có sử dụng nhiều hình thức kiểm tra, đánh giá để tăng độ chính xác trong đánh giá kết quả học tập của SV	11.8	32.4	55.8	3.5
7.	Giảng viên chấm điểm, đánh giá công bằng, khách quan và phản ánh đúng năng lực của SV	8.8	32.4	58.8	3.6
8.	Đề kiểm tra, đề thi phù hợp với nội dung giảng dạy, tổng hợp các phần khác nhau trong học phần và khuyến khích tính sáng tạo của SV	11.7	32.4	55.9	3.4
<b>TRUNG BÌNH</b>		<b>9.9</b>	<b>36.0</b>	<b>54.1</b>	<b>3.5</b>

**+ Sinh viên Khoa Ngoại ngữ**

STT	NỘI DUNG	Không hài lòng (%)	Bình thường (%)	Hài lòng (%)	Điểm số HL TB
1.	Kết quả chấm điểm đi thực tế / thực tập / chuyên đề / khóa luận của sinh viên công bằng, khách quan, chính xác	4.0	33.7	62.3	3.7
2.	Thời gian Nhà trường sắp xếp lịch thi học kỳ các học phần	11.4	32.6	56.0	3.5
3.	Kết quả điểm kiểm tra các học phần được giảng viên công khai đúng theo quy định của Trường	6.9	20.0	73.1	3.8
4.	Kết quả điểm thi học kỳ các học phần được công khai đúng theo quy định của Trường	7.4	30.9	61.7	3.7
5.	Các bài tập / bài kiểm tra / tiểu luận của SV được giảng viên nhận xét, chấm điểm rõ ràng nên rất có ích cho SV	6.9	29.7	63.4	3.7
6.	Trường có sử dụng nhiều hình thức kiểm tra, đánh giá để tăng độ chính xác trong đánh giá kết quả học tập của SV	4.6	35.4	60.0	3.7
7.	Giảng viên chấm điểm, đánh giá công bằng, khách quan và phản ánh đúng năng lực của SV	9.1	30.9	60.0	3.6
8.	Đề kiểm tra, đề thi phù hợp với nội dung giảng dạy, tổng hợp các phần khác nhau trong học phần và khuyến khích tính sáng tạo của SV	7.4	33.1	59.5	3.6
<b>TRUNG BÌNH</b>		<b>7.2</b>	<b>30.8</b>	<b>62.0</b>	<b>3.7</b>

**+ Sinh viên Khoa Chăn nuôi Thú y**

STT	NỘI DUNG	Không hài lòng (%)	Bình thường (%)	Hài lòng (%)	Điểm số HL TB
1.	Kết quả chấm điểm đi thực tế / thực tập / chuyên đề / khóa luận của sinh viên công bằng, khách quan, chính xác	5.6	33.5	60.9	3.7
2.	Thời gian Nhà trường sắp xếp lịch thi học kỳ các học phần	15.6	36.7	47.7	3.4
3.	Kết quả điểm kiểm tra các học phần được giảng viên công khai đúng theo quy định của Trường	7.4	34.9	57.7	3.6
4.	Kết quả điểm thi học kỳ các học phần được công khai đúng theo quy định của Trường	7.8	38.1	54.1	3.5
5.	Các bài tập / bài kiểm tra / tiểu luận của SV được giảng viên nhận xét, chấm điểm rõ ràng nên rất có ích cho SV	7.5	37.7	54.8	3.5
6.	Trường có sử dụng nhiều hình thức kiểm tra, đánh giá để tăng độ chính xác trong đánh giá kết quả học tập của SV	7.8	35.9	56.3	3.6
7.	Giảng viên chấm điểm, đánh giá công bằng, khách quan và phản ánh đúng năng lực của SV	11.0	32.4	56.6	3.5
8.	Đề kiểm tra, đề thi phù hợp với nội dung giảng dạy, tổng hợp các phần khác nhau trong học phần và khuyến khích tính sáng tạo của SV	6.7	38.1	55.2	3.5
<b>TRUNG BÌNH</b>		<b>8.7</b>	<b>35.9</b>	<b>55.4</b>	<b>3.5</b>

**+ Sinh viên Khoa KHTN-CN**

STT	NỘI DUNG	Không hài lòng (%)	Bình thường (%)	Hài lòng (%)	Điểm số HL TB
1.	Kết quả chấm điểm đi thực tế / thực tập / chuyên đề / khóa luận của sinh viên công bằng, khách quan, chính xác	6.4	29.4	64.2	3.7
2.	Thời gian Nhà trường sắp xếp lịch thi học kỳ các học phần	11.2	28.9	59.9	3.5
3.	Kết quả điểm kiểm tra các học phần được giảng viên công khai đúng theo quy định của Trường	8.5	24.1	67.4	3.7
4.	Kết quả điểm thi học kỳ các học phần được công khai đúng theo quy định của Trường	7.5	31.0	61.5	3.6
5.	Các bài tập / bài kiểm tra / tiểu luận của SV được giảng viên nhận xét, chấm điểm rõ ràng nên rất có ích cho SV	7.5	29.4	63.1	3.6
6.	Trường có sử dụng nhiều hình thức kiểm tra, đánh giá để tăng độ chính xác trong đánh giá kết quả học tập của SV	8.0	29.4	62.6	3.7
7.	Giảng viên chấm điểm, đánh giá công bằng, khách quan và phản ánh đúng năng lực của SV	9.1	26.2	64.7	3.6
8.	Đề kiểm tra, đề thi phù hợp với nội dung giảng dạy, tổng hợp các phần khác nhau trong học phần và khuyến khích tính sáng tạo của SV	9.1	29.4	61.5	3.6
<b>TRUNG BÌNH</b>		<b>8.4</b>	<b>28.5</b>	<b>63.1</b>	<b>3.6</b>

\* **Ý kiến khác:** Có 24.3% số sinh viên các lớp, các ngành, các Khoa góp ý như sau:

- Việc chấm điểm SV sau khi đi thực tập, làm chuyên đề, khóa luận tương đối chính xác;
- SV hài lòng với các hình thức kiểm tra, đánh giá hiện tại của Trường;
- Sắp xếp thời gian thi giữa các học phần phù hợp hơn để SV có thời gian ôn thi;
- Nếu đã phải thi B1 để xét tốt nghiệp thì các ngành nên bỏ học phần Tiếng Anh 1, 2, 3, 4;

- Điểm tích lũy 30% GV nên công bố sớm hơn để SV biết;
- Một số GV cho điểm bộ phận 30% chưa công bằng, chưa chính xác;
- Một số học phần câu hỏi thi chưa đúng trọng tâm của nội dung giảng dạy;
- Một số học phần làm tiểu luận để lấy điểm thi nhưng kết quả GV chấm chưa chính xác;
- Một số GV chấm điểm cho sinh viên chưa công bằng, chưa chính xác, chưa phản ánh đúng thực lực của SV;
- Thi online do mạng không ổn định, tổ chức thi còn bất cập, SV nộp bài chậm vì mạng Internet chậm nên ảnh hưởng xấu đến kết quả một số học phần, kết quả thi online chưa phản ánh đúng năng lực của SV;
- GV cần giúp đỡ SV nhiệt tình hơn trong lúc thu bài các học phần thi online;
- Một số học phần nên chuyển hình thức thi tự luận sang trắc nghiệm;
- GV nên cho SV câu hỏi ôn tập sớm để ôn bài; Cho SV ôn tập và làm bài tập nhiều hơn để kiểm tra và thi đạt kết quả tốt;
- Trường cần đầu tư máy tính tốt hơn đối với những học phần thi tại phòng máy;
- Cần đa dạng hơn các hình thức kiểm tra, đánh giá SV trong quá trình học tập;
- Việc kiểm tra và thi đối với SV còn chịu nhiều áp lực;
- SV Khoa Y Dược do phải đi lâm sàng, thực hành, thực tập dày đặc và cận ngày thi học kỳ nên kết quả kiểm tra và thi của SV chưa cao; Cần sắp xếp lịch thi cho hợp lý hơn.

## 8. Nhận xét chung

Việc thực hiện khảo sát lấy ý kiến phản hồi của giảng viên và sinh viên về chất lượng và sự phù hợp của các hình thức kiểm tra, đánh giá nhằm cải tiến chất lượng, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Trường.

Đa số giảng viên và sinh viên đều hài lòng với chất lượng và sự phù hợp của các hình thức kiểm tra, đánh giá trong hoạt động đào tạo của Trường. Những thông tin do SV và GV cung cấp góp phần phản ánh được thực trạng kiểm tra, đánh giá, cũng như tính phù hợp trong công tác đào tạo các ngành, các Khoa của Trường đang áp dụng.

Kết quả khảo sát là cơ sở dữ liệu quan trọng để Trường điều chỉnh các hình thức kiểm tra đánh giá người học cho phù hợp với thực tế. Đồng thời, Trường có số liệu báo cáo Cục Quản lý chất lượng, công khai tới người học, người dạy và các bên liên quan; là minh chứng để phục vụ công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài.

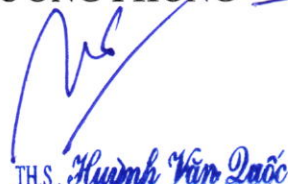
## 9. Đề xuất, kiến nghị

- Trường cần xem xét điều chỉnh các hình thức kiểm tra, đánh giá cho phù hợp.
- Các đơn vị đào tạo cần rà soát, cải tiến các hoạt động kiểm tra, đánh giá người học để kết quả ngày càng công bằng, khách quan và chính xác hơn.

### Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (Để báo cáo);
- Các Khoa, đơn vị liên quan (Để biết);
- Đăng Website của Trường;
- Lưu: QLCL.

TRƯỜNG PHÒNG

  
TH.S. Huỳnh Kim Đào